

Số: /BC-SNNMT

Đắk Lắk, ngày tháng 3 năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Thực hiện Công văn số 94/HĐND-VP ngày 03/2/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk V/v thống nhất nội dung đăng ký xây dựng Nghị Quyết của HĐND tỉnh tại Tờ trình số 11/TTr-UBND, ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo Nghị quyết "Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk", như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

a) Bối cảnh quốc tế và khu vực liên quan đến các chính sách

Ủy ban Châu Âu (EC) sử dụng một hệ thống cảnh báo (gọi là quy trình "Thẻ Vàng - Thẻ Đỏ") để xác định các quốc gia chưa hành động đủ để chống lại hoạt động khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU Fishing). EC đã tương tác và cảnh báo (Thẻ Vàng) với hơn 60 quốc gia không thuộc EU kể từ khi quy định IUU có hiệu lực vào năm 2010. Thẻ Vàng (Cảnh báo chính thức): Đây là cảnh báo chính thức đầu tiên. Nếu quốc gia đó không cải thiện, EC có thể nâng lên Thẻ Đỏ (Cấm thương mại): Đây là mức phạt cao nhất, dẫn đến lệnh cấm nhập khẩu sản phẩm thủy sản từ quốc gia đó vào thị trường EU. Trong những năm qua, đã có 27 quốc gia nhận Thẻ Vàng. Hầu hết các quốc gia này đều bắt buộc phải thực hiện cải cách các giải pháp quản lý nghề cá để gỡ bỏ cảnh báo. Và Việt Nam hiện đang là một trong những quốc gia nhận cảnh báo Thẻ Vàng (từ tháng 10 năm 2017).

Các quốc gia và tổ chức quốc tế (như FAO, UNCLOS) đều hướng tới quản lý nghề cá theo hướng khoa học và bền vững. Sự suy giảm nguồn lợi buộc các quốc gia trong khu vực tăng cường khai thác, dẫn đến cạnh tranh giữa đội tàu Việt Nam và đội

tàu các nước khác trên các ngư trường xa bờ. Các nước ASEAN đang tăng cường hợp tác trong việc chống IUU và quản lý nghề cá khu vực. Cần thúc đẩy sự liên kết, hợp tác giữa các nghiệp đoàn, tổ chức sản xuất để tối ưu hóa khai thác trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời tận dụng các cơ chế hợp tác khu vực.

Để hướng tới quản lý nghề cá theo hướng bền vững, yêu cầu phải giảm cường lực khai thác (đặc biệt là vùng ven bờ), áp dụng hạn ngạch khai thác và bảo vệ đa dạng sinh học biển. Chính vì thế, đòi hỏi phải có chính sách hỗ trợ ngư dân chuyển đổi sang các nghề khai thác có chọn lọc, bảo vệ nguồn lợi và chuyển dịch trọng tâm sang nâng cao chất lượng sản phẩm thủy sản thay vì chạy theo sản lượng.

b) Bối cảnh trong nước liên quan đến các chính sách

Việc Ủy ban Châu Âu (EC) cảnh báo "thẻ vàng" IUU tại Việt Nam từ năm 2017 là áp lực pháp lý và kinh tế lớn nhất, yêu cầu cấp thiết đặt ra phải tập trung vào việc hoàn thiện khung pháp lý, siết chặt quản lý đội tàu (lắp đặt, duy trì giám sát hành trình), kiểm soát chặt chẽ truy xuất nguồn gốc hải sản từ tàu đến cảng và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Cần thiết phải cụ thể hóa các giải pháp để gỡ thẻ vàng, đảm bảo tính minh bạch và hợp pháp của sản phẩm khai thác, từ đó duy trì và mở rộng thị trường xuất khẩu, đặc biệt là EU.

Bối cảnh lớn nhất chi phối ngành khai thác thủy sản Việt Nam hiện nay là yêu cầu gỡ "thẻ vàng" IUU của Ủy ban Châu Âu (EC). Trung Ương và các tỉnh thành ven biển nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng đang phải quyết liệt thực hiện tái cơ cấu đội tàu, giảm thiểu tối đa các tàu công suất nhỏ ven bờ, đồng thời kiểm soát chặt chẽ thiết bị giám sát hành trình và hồ sơ truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Mục tiêu là chuyển đổi sang mô hình khai thác có trách nhiệm, hợp pháp và hướng mạnh ra ngư trường xa bờ để giảm áp lực lên nguồn lợi ven biển.

Khu vực miền Trung chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu và thiên tai, gây rủi ro lớn cho hoạt động khai thác. Thách thức lớn hiện nay là phải đảm bảo an toàn cho ngư dân và hỗ trợ chuyển đổi sinh kế cho những người bị ảnh hưởng bởi việc cắt giảm tàu ven bờ, tàu có nghề ảnh hưởng sinh thái môi trường. Chính sách phải cân bằng giữa mục tiêu kinh tế và an sinh xã hội, tạo điều kiện cho ngư dân tiếp cận vốn và công nghệ để duy trì hoặc chuyển sang các ngành nghề bền vững hơn.

c) Bối cảnh xã hội, nghề cá và ngư dân tỉnh Đắk Lắk

Bờ biển Đắk Lắk dài gần 189 km, khúc khuỷu, có nhiều dải núi kéo dài ra phía biển hình thành các eo vũng, vịnh, đầm. Theo các số liệu điều tra của Viện Nghiên cứu hải sản, ước tính ở vùng biển tỉnh Đắk Lắk có trữ lượng cá khoảng 46.000 tấn và khả năng khai thác khoảng 35.000 tấn. Riêng đối với tỉnh Đắk Lắk, hàng năm khai thác cá Ngừ đại dương và một số loài cá nổi lớn đạt sản lượng khoảng 5.000 - 6.000 tấn. Tính đến ngày 25/3/2026, toàn tỉnh Đắk Lắk có 2.576 tàu cá và sản lượng khai thác biển hàng năm khoảng 68.000 tấn. Đối với nghề khai thác hiện nay của tỉnh, nghề câu chiếm 35,65% (918 tàu), nghề lưới kéo chiếm 4,78% (123 tàu), lưới rê chiếm 13,16% (339 tàu), lưới vây chiếm 15,38% (396 tàu), lưới chụp chiếm 0,08% (02 tàu), mảnh chiếm 28% (721 tàu), pha xúc chiếm 0,78% (20 tàu), lồng bẫy chiếm 0,74% (19 tàu), hậu cần chiếm 1,47% (38 tàu).

Nguồn lợi thủy sản ven bờ tại khu vực đang bị suy giảm nghiêm trọng do khai thác quá mức và ô nhiễm môi trường. Điều này buộc tỉnh phải chuyển hướng sang chính sách phát triển bền vững, trọng tâm là tăng cường bảo vệ và tái tạo nguồn lợi, đồng thời tập trung khuyến khích đầu tư vào công nghệ bảo quản trên tàu và chế biến sau thu hoạch, nhằm nâng cao giá trị sản phẩm khai thác, thay vì chỉ tăng sản lượng.

Việc ngư trường thay đổi và nguồn lợi giảm sút dẫn đến giảm sản lượng khai thác trên mỗi chuyến đi, làm giảm thu nhập của ngư dân và tăng áp lực kinh tế. Ngư dân buộc phải thay đổi tư duy từ nghề cá nhân dân sang nghề cá hiện đại, áp dụng khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất, phải đầu tư vào các thiết bị đáp ứng phục vụ hoạt động khai thác thủy sản, nâng cấp tàu thuyền chống chịu bão và thay đổi ngư cụ để thích nghi với ngư trường mới, làm tăng chi phí đầu tư ban đầu và vận hành.

Trong những năm qua, biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, đã và đang tác động trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội và ngành thủy sản tỉnh Đắk Lắk. Biến đổi khí hậu làm cho nhiệt độ nước biển tăng làm thay đổi phạm vi phân bố của nhiều loài thủy sản. Các loài cá có xu hướng di cư lên phía Bắc hoặc di chuyển xuống các tầng nước sâu hơn, làm thay đổi ngư trường truyền thống, làm suy giảm sản lượng khai thác và gây khó khăn, tốn kém hơn cho việc khai thác. Thời tiết khắc nghiệt kéo dài khiến ngư dân phải nghỉ biển nhiều hơn, làm gián đoạn hoạt động khai thác dẫn đến giảm năng suất và tăng chi phí sản xuất (chi phí nhiên liệu, bảo dưỡng). Thiên tai cực đoan ngày càng gia tăng tần suất và cường độ của bão, áp thấp nhiệt đới và lũ lụt, điều này không chỉ gây thiệt hại về tài sản (tàu thuyền, ngư cụ) mà còn đe dọa trực tiếp đến tính mạng của ngư dân, làm gián đoạn thời gian khai thác.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk vẫn còn tồn tại tình trạng ngư dân sử dụng công cụ kích điện, xung điện, chất nổ, chất độc để khai thác thủy sản; nhiều phương tiện khai thác sai vùng, sai tuyến, xâm phạm khu vực cấm hoặc vùng ven bờ. Các hành vi này không chỉ vi phạm quy định pháp luật mà còn gây suy giảm nghiêm trọng nguồn lợi thủy sản, hủy hoại môi trường sinh thái biển và vùng ven bờ, ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế lâu dài của cộng đồng ngư dân. Từ ngày 01/01/2025 đến nay, các lực lượng chức năng đã xử phạt 39 trường hợp vi phạm, với tổng số tiền: 874,5 triệu đồng. Các hành vi vi phạm chủ yếu gồm: mất kết nối thiết bị giám sát hành trình (VMS), không đăng ký, không ghi số đăng ký tàu cá; sử dụng công cụ kích điện; khai thác sai vùng; không bảo đảm định biên an toàn; không thực hiện đăng ký, sang tên chủ tàu cá theo quy định.

Khai thác thủy sản là sinh kế truyền thống của nhiều cộng đồng ven biển Đắk Lắk. Trong bối cảnh cắt giảm tàu ven bờ và tái cơ cấu, chính sách thúc đẩy ngư dân chuyển đổi nghề nghiệp và hỗ trợ ngư dân giải bản tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản góp phần đảm bảo an sinh xã hội, sinh kế cho cộng đồng ngư dân là yếu tố then chốt để duy trì ổn định chính trị và xã hội tại địa phương. Việc kịp thời ban hành chính sách hỗ trợ cho ngư dân phát triển khai thác thủy sản tại tỉnh Đắk Lắk hiện nay là cần thiết và cấp bách, xuất phát từ yêu cầu phải cân bằng giữa tuân thủ quốc tế, tái cơ cấu ngành và bảo vệ sinh kế, đồng bộ về phát triển thủy sản, góp phần hoàn thành lộ trình tái cơ cấu nghề cá có trách nhiệm; đồng thời giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, giúp ngư dân yên tâm sản xuất, bám biển bảo vệ ngư trường và đóng vai trò là các cột mốc di động trên biển.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trao cho HĐND cấp tỉnh/thành phố quyền ban hành các nghị quyết quy định chính sách, biện pháp có tính đặc thù phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội địa phương, miễn là không trái với Hiến pháp, luật và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên. Điều này cho phép tỉnh Đắk Lắk quy định các mức hỗ trợ, đối tượng hỗ trợ, trong khuôn khổ ngân sách địa phương.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

a) Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu chung của việc xây dựng chính sách là nhằm phát triển ngành thủy sản tỉnh Đắk Lắk theo hướng bền vững, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với bảo vệ môi trường và bảo tồn nguồn lợi thủy sản, nâng cao thu nhập và góp phần đảm

bảo an sinh xã hội cho ngư dân, giảm số lượng và chuyển đổi nghề tàu cá ven bờ, tàu cá hoạt động nghề ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Chính sách góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể

- Tuân thủ IUU và quy định pháp luật: Phân đấu hoàn thành nhiệm vụ gỡ "thẻ vàng" IUU.

- Tái cơ cấu và hiệu quả: chuyển tàu cá làm nghề khai thác hải sản ảnh hưởng lớn đến nguồn lợi hải sản, môi trường, hệ sinh thái của các vùng biển sang các nghề khai thác hải sản thân thiện với môi trường gắn với hiện đại hóa tàu cá hoặc chuyển ra ngoài lĩnh vực khai thác phù hợp với định hướng phát triển nghề cá và điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh; góp phần bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nâng cao hiệu quả quản lý đội tàu cá, ổn định đời sống của ngư dân; tham gia chủ động, có trách nhiệm để phát triển hiệu quả, bền vững ngành khai thác thủy sản.

- Ổn định sinh kế: Hỗ trợ việc tăng thu nhập và an sinh xã hội cho ngư dân thông qua các chương trình hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước: Việc xây dựng chính sách rõ ràng, minh bạch giúp công tác quản lý và hỗ trợ được thực hiện hiệu quả, đúng đối tượng và đúng quy định. Chính sách tạo cơ sở pháp lý để huy động các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng, đảm bảo nguồn lực được sử dụng hiệu quả nhất.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách hỗ trợ giải bản tàu

1.1. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: Hỗ trợ giải bản tàu cá có nhu cầu giải bản không hoạt động khai thác thủy sản.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Góp phần tăng cường tính thống nhất, đồng bộ giữa các quy định về quản lý đội tàu, an toàn hàng hải và chính sách an sinh xã hội; đồng thời nâng cao hiệu quả công tác thống kê, theo dõi và quản lý đội tàu.

+ Việc hỗ trợ tài chính cho hoạt động giải bản và chuyển đổi nghề tạo điều kiện thuận lợi để chủ tàu chấp hành quy định pháp luật. Trong trường hợp không có hỗ trợ, chủ tàu có xu hướng trì hoãn do thiếu nguồn lực tài chính để thanh lý và chuyển đổi sinh kế.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Giảm chi phí sửa chữa, duy tu đối với các tàu cá cũ, không đảm bảo điều kiện an toàn; đồng thời hỗ trợ chủ tàu có nguồn lực ban đầu để chuyển đổi nghề nghiệp.

+ Góp phần giảm áp lực khai thác lên nguồn lợi thủy sản, hướng tới khai thác bền vững.

+ An sinh xã hội: tạo điều kiện cho ngư dân, đặc biệt là nhóm chủ tàu nhỏ, tàu cũ, chuyển đổi sang các ngành nghề bền vững hơn (nuôi trồng thủy sản, dịch vụ, du lịch...), từ đó ổn định sinh kế lâu dài.

- Tác động về giới: Chính sách được áp dụng không phân biệt giới tính. Quá trình chuyển đổi nghề có thể mở rộng cơ hội việc làm cho lao động nữ – nhóm chủ yếu tham gia các hoạt động hậu cần, dịch vụ trên bờ. Nguồn lực hỗ trợ (tài chính, đào tạo nghề) được phân bổ công bằng, giúp cả nam và nữ trong hộ gia đình ngư dân có điều kiện tiếp cận sinh kế mới.

b) Giải pháp 2: Không hỗ trợ giải bản tàu cá có nhu cầu giải bản không hoạt động khai thác thủy sản.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Làm suy giảm hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật do tiếp tục tồn tại các tàu cá không đăng ký, không đảm bảo điều kiện hoạt động.

+ Gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước, làm mất cân đối giữa mục tiêu hiện đại hóa đội tàu và thực tế tồn tại số lượng lớn tàu kém chất lượng.

+ Làm giảm tính răn đe của các quy định pháp luật khi các hành vi vi phạm không được xử lý triệt để.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Chủ tàu tiếp tục phải tự gánh chịu chi phí sửa chữa, bảo trì, đồng thời đối mặt với nguy cơ bị xử phạt do không đủ điều kiện hoạt động.

+ Làm gia tăng nguy cơ Việt Nam bị áp dụng “thẻ đỏ”, ảnh hưởng nghiêm trọng đến xuất khẩu thủy sản và uy tín trên thị trường quốc tế.

+ Tàu cá kém chất lượng tiềm ẩn nguy cơ tai nạn cao, gây thiệt hại về tài sản và tính mạng ngư dân.

+ Ngân sách không phải chi khoản tiền hỗ trợ thanh lý và chuyển đổi nghề. Tuy nhiên, sự tiết kiệm này không bù đắp được chi phí cứu hộ, chi phí hỗ trợ khẩn cấp sau tai nạn và thiệt hại kinh tế.

+ An sinh xã hội bị ảnh hưởng tiêu cực, ngư dân thiếu cơ hội chuyển đổi nghề nghiệp bền vững.

- Tác động về giới: Khó khăn kinh tế và rủi ro gia tăng sẽ làm tăng áp lực lên phụ nữ – nhóm thường đảm nhiệm vai trò quản lý tài chính và chăm sóc gia đình, từ đó làm gia tăng bất ổn trong đời sống hộ gia đình.

1.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

a) Giải pháp tối ưu được lựa chọn: Giải pháp 1: Hỗ trợ giải bản tàu cá có nhu cầu giải bản không hoạt động khai thác thủy sản

Hỗ trợ một lần đối với chủ tàu cá thực hiện giải bản tàu: Hỗ trợ bằng 70% giá trị tàu cá theo Chứng thư thẩm định giá tại thời điểm thẩm định, cụ thể: Tàu cá có chiều dài lớn nhất (L_{max}) từ 6m đến dưới 12m: 50 triệu đồng/tàu; Tàu cá có chiều dài lớn nhất (L_{max}) từ 12m đến dưới 15m: 100 triệu đồng/tàu; Tàu cá có chiều dài lớn nhất (L_{max}) từ 15m trở lên: 200 triệu đồng/tàu.

b) Lý do lựa chọn giải pháp

- Chính sách xử lý dứt điểm tàu cá không đủ điều kiện là giải pháp bắt buộc và then chốt để tuân thủ pháp luật và gỡ "thẻ vàng" IUU. Các tàu không đăng ký, không giấy phép là nguồn gốc chính của hành vi khai thác bất hợp pháp. Bằng cách loại bỏ các tàu này khỏi đội hình tàu cá khai thác hiện hữu, Nhà nước thể hiện sự nghiêm minh trong quản lý, tăng cường kiểm soát số lượng tàu cá và củng cố hồ sơ pháp lý quốc gia để bảo vệ thị trường xuất khẩu thủy sản.

- Giải pháp này còn nhằm mục tiêu bảo vệ an toàn sinh mạng và tái cơ cấu đội tàu. Tàu cá không đủ điều kiện thường là tàu cũ, kém chất lượng, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn rất cao, đe dọa trực tiếp đến tính mạng ngư dân và làm tăng chi phí cứu hộ. Việc loại bỏ chúng giúp giảm thiểu rủi ro hàng hải và tạo cơ hội tái cơ cấu ngành khai thác

theo hướng giảm số lượng, tăng chất lượng, tập trung nguồn lực vào các tàu hiện đại, đủ điều kiện khai thác xa bờ.

- Chính sách mang tính nhân văn và tạo cơ hội sinh kế. Thay vì chỉ xử phạt, nhà nước thực hiện hỗ trợ tài chính cho chủ tàu để phá dỡ tàu và kèm theo đào tạo nghề nghiệp. Điều này biến lệnh cấm thành cơ hội chuyển đổi, giúp ngư dân từ bỏ nghề khai thác không bền vững để chuyển sang các ngành nghề khác (như du lịch, dịch vụ), từ đó ổn định thu nhập lâu dài và giảm áp lực lên nguồn lợi hải sản ven bờ.

2. Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề

2.1. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: Hỗ trợ chi phí học nghề, hỗ trợ an sinh xã hội cho nhân khẩu trong gia đình chủ tàu chuyển đổi nghề

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Cụ thể hóa các quy định của Luật Thủy sản về chuyển đổi nghề khai thác theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường.

+ Tăng khả năng tuân thủ pháp luật, giảm xung đột xã hội trong quá trình thực thi các quy định hạn chế nghề khai thác.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Ngư dân được hỗ trợ chi phí đào tạo và nguồn lực ban đầu để chuyển đổi nghề nghiệp.

+ Góp phần giảm áp lực lên hệ sinh thái biển, tạo điều kiện phục hồi nguồn lợi thủy sản.

+ Tạo sinh kế ổn định, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của người dân.

+ Góp phần bảo vệ hệ sinh thái biển (rạn san hô, thảm cỏ biển) và nâng cao giá trị kinh tế lâu dài.

- Tác động về giới: Chính sách bảo đảm phân bổ nguồn lực công bằng, tạo điều kiện cho cả lao động nam và nữ trong hộ gia đình tiếp cận nghề nghiệp mới, qua đó giảm áp lực kinh tế và nâng cao vai trò của phụ nữ trong phát triển sinh kế.

b) Giải pháp 2: Không hỗ trợ chi phí học nghề, hỗ trợ an sinh xã hội cho nhân khẩu trong gia đình chủ tàu chuyển đổi nghề

Việc không thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề sang các nghề khai thác thân thiện với môi trường sẽ tạo ra tác động tiêu cực rất lớn và kéo dài đến môi trường, nguồn lợi thủy sản và sinh kế bền vững của ngư dân.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Việc không có giải pháp hỗ trợ chuyển đổi sẽ bị xem là chưa thỏa đáng, khiến ngư dân buộc phải tiếp tục sử dụng ngư cụ cấm để duy trì sinh kế, dẫn đến vi phạm pháp luật tăng lên.

+ Việc thiếu hỗ trợ tạo áp lực lên các cơ quan thực thi pháp luật (thanh tra, kiểm ngư) do phải đối mặt với phản ứng xã hội từ ngư dân, phát sinh xung đột xã hội

+ Khả năng chấm dứt hoàn toàn các nghề khai thác xâm hại là rất thấp vì ngư dân không có nguồn vốn hoặc hướng đi nghề nghiệp thay thế.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Ngư dân phải tự tìm kiếm và bỏ toàn bộ chi phí để mua sắm ngư cụ mới, tự đào tạo nghề nghiệp mới, tạo ra rào cản tài chính lớn. Nguy cơ bị phạt do sử dụng ngư cụ cấm tăng cao.

+ Cạn kiệt nguồn lợi: Việc tiếp tục khai thác xâm hại sẽ phá hủy môi trường sống (rạn san hô, thảm cỏ biển) và nguồn lợi tái tạo, khiến sản lượng đánh bắt giảm liên tục và kích thước cá thể nhỏ đi, gây thiệt hại kinh tế dài hạn.

+ Ngân sách không phải chi khoản tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề. Tuy nhiên, sự "tiết kiệm" này không bù đắp được chi phí khắc phục môi trường, và thiệt hại kinh tế do nguồn lợi suy giảm.

+ Sinh kế của ngư dân bị đe dọa nghiêm trọng do nguồn lợi cạn kiệt. Tăng nguy cơ xung đột xã hội giữa ngư dân sử dụng ngư cụ cấm và ngư dân khai thác bền vững, gây mất ổn định tại địa phương.

- Tác động về giới:

Phụ nữ chịu áp lực lớn hơn do thu nhập gia đình giảm, đồng thời phải đảm nhận thêm trách nhiệm ổn định đời sống và tìm kiếm sinh kế bổ sung.

2.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

a) *Giải pháp tối ưu được lựa chọn:* Giải pháp 1: Hỗ trợ chi phí học nghề, hỗ trợ an sinh xã hội cho nhân khẩu trong gia đình chủ tàu chuyển đổi nghề

- Các thuyền viên trên tàu cá giải bản được hỗ trợ chi phí học nghề, tối đa không quá 03 tháng với các nội dung sau: Hỗ trợ 100% tiền học phí, chi phí học tập, tối đa 2,5 triệu đồng/người/khóa học; Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại: Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học; Mức hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

- Hỗ trợ an sinh xã hội cho nhân khẩu trong gia đình chủ tàu chuyển đổi nghề: Hỗ trợ một lần bằng tiền cho các thành viên sống phụ thuộc của hộ gia đình chủ tàu cá có tàu cá giải bản như sau: Hỗ trợ gạo: Hỗ trợ bằng tiền tương đương với mức 30kg/người/tháng cho chủ tàu cá và các thành viên trong hộ gia đình, giá gạo theo giá thị trường tại địa phương; Thời gian hỗ trợ: 12 tháng

b) *Lý do lựa chọn giải pháp*

Giải pháp này vừa mang tính an sinh xã hội, vừa là công cụ thúc đẩy tái cơ cấu ngành thủy sản theo hướng bền vững. Việc hỗ trợ đào tạo và ổn định đời sống giúp ngư dân mạnh dạn từ bỏ nghề khai thác không bền vững, chuyển sang các ngành nghề có giá trị gia tăng cao hơn, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế biển và các cam kết quốc tế của Việt Nam.

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính báo cáo ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐND tỉnh;
- Sở Tư Pháp;
- GD và PGD Sở (Đ/c Phú);
- Lưu: VT, CCTSBD.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn An Phú